

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ
THÁNG 08 NĂM 2026**

(Căn cứ Quy chế thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 24/QĐ-HĐTV
ngày 18/04/2025)

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPS xin báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện
giao dịch ký quỹ như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TP.HCM:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ABT			ABT
3	ACB			ACB
4	ACC			ACC
5	ACG			ACG
6	ACL			ACL
7	ADS			ADS
8	AFX			AFX
9	AGG			AGG
10	AGR			AGR
11	ANV			ANV
12	ASG			ASG
13	ASM			ASM
14	AST			AST
15	BAF			BAF
16	BCM			BCM
17	BFC			BFC
18	BHN			BHN
19	BIC			BIC
20	BID			BID
21	BMC			BMC
22	BMP			BMP
23	BSI			BSI
24	BSR			BSR
25	BTP			BTP
26	BVH			BVH
27	BWE			BWE
28	CCI			CCI
29	CCL			CCL

30	CDC		CDC
31	CHP		CHP
32	CII		CII
33	CKG		CKG
34	CLC		CLC
35	CLL		CLL
36	CLW		CLW
37	CMG		CMG
38	CNG		CNG
39	CRC		CRC
40	CSM		CSM
41	CSV		CSV
42	CTD		CTD
43	CTF		CTF
44	CTG		CTG
45	CTI		CTI
46	CTR		CTR
47	CTS		CTS
48	D2D		D2D
49	DAT		DAT
50	DBC		DBC
51	DBD		DBD
52	DC4		DC4
53	DCL		DCL
54	DCM		DCM
55	DGW		DGW
56	DHA		DHA
57	DHC		DHC
58	DHG		DHG
59	DIG		DIG
60	DMC		DMC
61	DPG		DPG
62	DPM		DPM
63	DPR		DPR
64	DRC		DRC
65	DRL		DRL
66	DSC		DSC
67	DSE		DSE
68	DSN		DSN
69	DVP		DVP
70	DXG		DXG
71	DXS		DXS
72	EIB		EIB
73	ELC		ELC
74	EVF		EVF
75	EVG		EVG
76	FCN		FCN
77	FDC		FDC
78	FMC		FMC
79	FPT		FPT
80	FRT		FRT
81	FTS		FTS
82	GAS		GAS

83	GEE			GEE
84	GEG			GEG
85	GEX			GEX
86	GIL			GIL
87	GMD			GMD
88	GSP			GSP
89	GVR			GVR
90	HAG			HAG
91	HAH			HAH
92	HAX			HAX
93	HCD			HCD
94	HCM			HCM
95	HDB			HDB
96	HDC			HDC
97	HDG			HDG
98	HHP			HHP
99	HHS			HHS
100	HHV			HHV
101	HNA			HNA
102	HPG			HPG
103	HPX			HPX
104	HQC			HQC
105	HSG			HSG
106	HTI			HTI
107	HTG			HTG
108	HTI			HTI
109	HTN			HTN
110	HTV			HTV
111	HUB			HUB
112	HVH			HVH
113	ICT			ICT
114	IDI			IDI
115	IJC			IJC
116	ILB			ILB
117	IMP			IMP
118	ITC			ITC
119	KBC			KBC
120	KDC			KDC
121	KDH			KDH
122	KHG			KHG
123	KHP			KHP
124	KLB			KLB
125	KOS			KOS
126	KSB			KSB
127	LBM			LBM
128	LCG			LCG
129	LGC			LGC
130	LHG			LHG
131	LIX			LIX
132	LPB			LPB
133	LSS			LSS
134	MBB			MBB
135	MCH			MCH

136	MCM			MCM
137	MIG			MIG
138	MSB			MSB
139	MSH			MSH
140	MSN			MSN
141	MWG			MWG
142	NAB			NAB
143	NAF			NAF
144	NCT			NCT
145	NHA	NHA		
146	NHH			NHH
147	NKG			NKG
148	NLG			NLG
149	NNC			NNC
150	NSC			NSC
151	NT2			NT2
152	NTL			NTL
153	NVL			NVL
154	OCB			OCB
155	OPC			OPC
156	ORS			ORS
157	PAC			PAC
158	PAN			PAN
159	PC1			PC1
160	PDN			PDN
161	PDR			PDR
162	PET			PET
163	PGC			PGC
164	PGD			PGD
165	PGI			PGI
166	PGV			PGV
167	PHR			PHR
168	PJT			PJT
169	PLX			PLX
170	PNJ			PNJ
171	POW			POW
172	PPC			PPC
173	PTB			PTB
174	PVD			PVD
175	PVP			PVP
176	PVT			PVT
177	QCG			QCG
178	QNP			QNP
179	RAL			RAL
180	REE			REE
181	RYG			RYG
182	S4A			S4A
183	SAB			SAB
184	SAM			SAM
185	SBA			SBA
186	SBG			SBG
187	SBT			SBT
188	SCR			SCR

189	SCS			SCS
190	SFI			SFI
191	SGN			SGN
192	SGR			SGR
193	SHB			SHB
194	SHI			SHI
195	SHP			SHP
196	SIP			SIP
197	SJD			SJD
198	SJS			SJS
199	SKG			SKG
200	SMA	SMA		
201	SMB			SMB
202	SSB			SSB
203	SSI			SSI
204	STB			STB
205	STK			STK
206	SVC			SVC
207	SZC			SZC
208	SZL			SZL
209	TAL			TAL
210	TBC			TBC
211	TCB			TCB
212	TCH			TCH
213	TCI			TCI
214	TCL			TCL
215	TCM			TCM
216	TCO			TCO
217	TCX			TCX
218	TDC			TDC
219	TDG			TDG
220	TDM			TDM
221	TDP			TDP
222	TDW			TDW
223	THG			THG
224	TIP			TIP
225	TLD			TLD
226	TLG			TLG
227	TMP			TMP
228	TMS			TMS
229	TPB			TPB
230	TRA			TRA
231	TRC			TRC
232	TTA			TTA
233	TV2			TV2
234	TVS			TVS
235	TYA			TYA
236	UIC			UIC
237	VAB			VAB
238	VCB			VCB
239	VCF			VCF
240	VCG			VCG
241	VCI			VCI

242	VCK		VCK
243	VDS		VDS
244	VFG		VFG
245	VGC		VGC
246	VHC		VHC
247	VHM		VHM
248	VIB		VIB
249	VIC		VIC
250	VIP		VIP
251	VIX		VIX
252	VJC		VJC
253	VND		VND
254	VNL		VNL
255	VNM		VNM
256	VOS		VOS
257	VPB		VPB
258	VPD		VPD
259	VPI		VPI
260	VPL		VPL
261	VPX		VPX
262	VRE		VRE
263	VSC		VSC
264	VSH		VSH
265	VTB	VTB	
266	VTO		VTO
267	VTP		VTP
268	YEG		YEG

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	BBS			BBS
2	BCF			BCF
3	BKC			BKC
4	BPC			BPC
5	BTW			BTW
6	BVS			BVS
7	BXH			BXH
8	C69			C69
9	CAG			CAG
10	CCR			CCR
11	CDN			CDN
12	CEO			CEO
13	CLM			CLM
14	CTB			CTB
15	CTT			CTT
16	DHT			DHT
17	DLI			DLI
18	DNC			DNC
19	DNP			DNP

20	DP3			DP3
21	DTD			DTD
22	DTK			DTK
23	DVM	DVM		
24	DXP			DXP
25	GDW			GDW
26	GMX			GMX
27	HGM			HGM
28	HHC			HHC
29	HLC			HLC
30	HTC			HTC
31	HUT			HUT
32	HVT			HVT
33	IDC			IDC
34	IDV			IDV
35	INN			INN
36	IPA			IPA
37	KSF			KSF
38	KSV			KSV
39	L14			L14
40	L18			L18
41	L40			L40
42	LAS			LAS
43	LHC			LHC
44	MBS			MBS
45			MST	MST
46	MVB			MVB
47	NAG			NAG
48	NAP			NAP
49	NBC			NBC
50	NBW			NBW
51	NDN			NDN
52	NET			NET
53	NTH			NTH
54	NTP			NTP
55	PBP			PBP
56	PDB			PDB
57	PGS			PGS
58	PHN			PHN
59	PIC			PIC
60	PJC			PJC
61	PLC			PLC
62	PPS			PPS
63	PPT			PPT
64	PPY			PPY
65	PRE			PRE
66	PSC			PSC
67	PSD			PSD
68	PSI			PSI
69	PTI			PTI
70	PTS			PTS
71	PTX			PTX
72	PVB			PVB

73	PVC			PVC
74	PVG			PVG
75	PVI			PVI
76	PVS			PVS
77	QHD			QHD
78	S55			S55
79	S99			S99
80	SAF			SAF
81	SCG			SCG
82	SEB			SEB
83	SED			SED
84	SFN			SFN
85	SGC			SGC
86	SHS			SHS
87	SJE			SJE
88	SLS			SLS
89	STP			STP
90	SZB			SZB
91	TFC			TFC
92	THD			THD
93			TIG	TIG
94	TMB			TMB
95	TMC			TMC
96	TNG			TNG
97	TV4			TV4
98	TVD			TVD
99	VC3			VC3
100	VCS			VCS
101	VFS			VFS
102	VGS			VGS
103	VIF			VIF
104	VNR			VNR
105	VSA			VSA
106	VTZ			VTZ
107	WCS			WCS

Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của Công ty:
<https://www.lpbs.com.vn/solution/33/1/danh-muc-ky-quy.html>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

Người lập



BÙI MINH TÀI

Kiểm soát



CAO VĂN HẬU



Giám đốc Điều hành
 Khởi Vận hành

HOÀNG CÔNG NGUYỄN VŨ